

Bản án số: 02 /2020/KDTM-ST

Ngày 21 tháng 4 năm 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÙ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tuấn-Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Vũ Đình Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện P, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền-Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2019/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2020/QĐST-DS ngày 07/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-DS ngày 27/02/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-DS ngày 13/3/2020, Thông báo thay đổi thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 01/4/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh-Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963-Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H.(Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V).

Người được ủy quyền lại: Ông Lương Thế Th, sinh năm 1977- Phó giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H. (Quyết định ủy quyền số 01/NHNo-PC/UQKK ngày 19/7/2019 của Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H)- Có mặt.

Địa chỉ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H: thôn C, thị trấn Tr, huyện P, tỉnh H.

2. Bị đơn: Ông Quách Văn H, sinh năm 1967.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Địa chỉ: thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện cho bị đơn theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Đ, sinh năm 1970-Có mặt. (Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2020).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H.

Địa chỉ: thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bày:

Ngày 04/10/2017, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V (Sau đây viết tắt là ngân hàng) cho Ông Quách Văn H, Bà Trịnh Thị Đ vay số tiền là 600.000.000 đồng, thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 2411/LAV 201701548 ngày 04/10/2017. Mục đích vay để kinh doanh bánh kẹo, đường sữa, hàng tạp hóa. Lãi suất cho vay là 08%/năm, lãi suất chậm trả là 10%. Thời hạn cho vay là 12 tháng. Đến ngày 05/10/2017, ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà Đ đủ số tiền vay là 600.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 05/10/2017. Hợp đồng được bảo đảm bằng tài sản chung của ông H và bà Đ thể hiện tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng thế chấp này, ông H, bà Đ dùng tài sản là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H, đất đã được UBND huyện P, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/2006 để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Sau khi vay, ông H, bà Đ không thực hiện được việc thanh toán số tiền vay như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2018. Ông H, bà Đ mới trả ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 4.933.333 đồng. Đến thời hạn trả nợ, ông H, bà Đ không trả được nợ, ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông H, bà Đ không thực hiện. Do vậy ngân hàng khởi kiện, yêu cầu buộc ông H, bà Đ phải trả nợ cho ngân hàng, gồm: Toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2020) là 166.617.490 đồng. Kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông H, bà Đ không trả được số tiền nợ gốc thì còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Nếu ông H, bà Đ không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của ông H, bà Đ để ngân hàng thu hồi nợ theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017 là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ

bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Ông Quách Văn H và Bà Trịnh Thị Đ trình bày:

Ngày 04/10/2017, ông H, bà Đ vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V-Chi nhánh huyện P, tỉnh H số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, mục đích vay là để hộ gia đình ông, bà kinh doanh hàng tạp hóa, thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất vay là 08%/năm, ngoài ra hợp đồng tín dụng còn quy định về lãi suất trong hạn và quá hạn. Việc vay mượn này là do cả hai vợ chồng cùng thống nhất.

Ngày 05/10/2017, ông H, bà Đ đã nhận đủ số tiền vay là 600.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 05/10/2017.

Để bảo đảm cho khoản tiền vay theo hợp đồng tín dụng này, ông H, bà Đ đã ký với ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017. Hợp đồng thế chấp đều đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng thế chấp này, ông H, bà Đ dùng tài sản là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã Q, huyện P, tỉnh H, đất đã được UBND huyện P, tỉnh H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/4/2006 mang tên Quách Văn H để bảo đảm cho khoản tiền vay. Hiện tại ông H, bà Đ đang quản lý, sử dụng toàn bộ khối tài sản thế chấp này, trên đất không có tài sản gì và không có tranh chấp với ai.

Ông H, bà Đ khẳng định vẫn nợ ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, ông H, bà Đ mới trả được cho ngân hàng được một số tiền lãi, cụ thể không nhớ là bao nhiêu, nhưng như ngân hàng tính toán là chính xác. Ông H, bà Đ nhất trí về số nợ gốc và lãi như ngân hàng đã tính toán, không thắc mắc gì.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, quan điểm của ông H, bà Đ như sau:

Ông H, bà Đ khẳng định việc ngân hàng khởi kiện đòi số tiền gốc 600.000.000 đồng, lãi, lãi chậm trả như ngân hàng tính toán là đúng. Ông H, bà Đ sẽ có trách nhiệm trả ngân hàng toàn bộ số nợ gốc này nhưng do đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho trả dần. Đối với số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả ông H, bà Đ đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số lãi này do đang khó khăn.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Ông H, bà Đ đề nghị ngân hàng cho thu xếp để trả nợ cho ngân hàng, trường hợp không trả được nợ cho ngân hàng thì nhất trí để ngân hàng phát mại tài sản thế chấp như đã thỏa thuận trong hợp đồng để ngân hàng thu hồi nợ.

Ông H, bà Đ đã được Tòa án cho xem hợp đồng tín dụng ngày 04/10/2017,

giấy nhận nợ ngày 05/10/2017, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017 và Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 04/10/2017. Ông H, bà Đ khẳng định chữ ký và chữ viết ở phần bên vay, bên thế chấp trong tất cả các văn bản này đúng là chữ ký và chữ viết của Ông Quách Văn H và Bà Trịnh Thị Đ.

Ông H, bà Đ đã được Tòa án thông báo kết quả thẩm định tài sản thế chấp cho ngân hàng, ông H, bà Đ nhất trí không có ý kiến gì.

Ngoài ra ông H, bà Đ không còn trình bày gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bà Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày số tiền vay là sử dụng chung của ông H với bà Đ, đại diện ngân hàng yêu cầu bà Đ cũng phải trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3; 6; khoản 2 Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V.

Buộc ông H, bà Đ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu.

Nếu ông H, bà Đ không trả được nợ thì phát mại tài sản thế chấp là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Ông H, bà Đ phải chịu án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 04/10/2017, ngân hàng cho ông H, bà Đ vay số tiền là 600.000.000 đồng, thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 2411/LAV 201701548 ngày 04/10/2017. Mục đích vay để kinh doanh bánh kẹo, đường sữa, hàng tạp hóa. Lãi suất cho vay là 08%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm. Thời hạn cho vay là 12 tháng. Đến ngày 05/10/2017, ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay là 600.000.000 đồng, thể hiện tại Giấy nhận nợ ngày 05/10/2017. Hợp đồng tín dụng được bảo đảm bằng tài sản chung của ông H và bà Đ thể hiện tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Đến thời hạn trả nợ, ông H, bà Đ không thực hiện được việc thanh toán số tiền vay như hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2018. Ông H, bà Đ mới trả ngân hàng được số tiền lãi trong hạn là 4.933.333 đồng. Ông H còn nợ ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là đồng.

Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu buộc ông H, bà Đ phải trả nợ cho ngân hàng, gồm: Toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi gồm lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 166.617.490 đồng. Đồng thời yêu cầu kể từ ngày xét xử sơ thẩm nếu ông H, bà Đ không trả được số tiền nợ gốc thì ông H, bà Đ còn phải chịu lãi suất quá hạn theo mức lãi suất như hợp đồng đối với số nợ gốc chưa trả cho đến khi trả xong.

Nếu ông H, bà Đ không trả được nợ cho ngân hàng thì đề nghị xử lý, phát mại tài sản thế chấp của ông H, bà Đ để ngân hàng thu hồi nợ theo như hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017 là toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận còn nợ gốc là 600.000.000 đồng và các khoản lãi như nguyên đơn tính toán nhưng do khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho trả dần số tiền nợ gốc và xin toàn bộ số tiền lãi nhưng ngân hàng không đồng ý.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quan điểm nhất trí phát mại tài sản là bộ diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H là tài sản của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để ngân hàng thu hồi nợ.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với ông H, bà Đ, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật.

Đối với hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của bên vay với ngân hàng: diện tích đất tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H là tài sản thuộc sở hữu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, các bên giao kết hợp đồng phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Từ các chứng cứ đã thu thập được có đủ căn cứ xác định: Ngày 04/10/2017, ông H, bà Đ vay của ngân hàng số tiền là 600.000.000 đồng. Cho đến nay mới trả được số tiền lãi trong hạn là 4.933.333 đồng. Như vậy ông H, bà Đ còn nợ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi chưa trả là tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 166.617.490 đồng.

Tổng số nợ gốc và lãi ông H, bà Đ còn nợ ngân hàng phải trả (tạm tính đến ngày 21/4/2020) là: 766.617.490 đồng. Ông H, bà Đ cũng thừa nhận số tiền nợ gốc như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị miễn, giảm lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý và đây cũng là mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên. Theo hợp đồng tín dụng thì người đứng tên vay là ông H nhưng đây là khoản vay để vợ chồng sử dụng chung, Bà Đ cũng xác định đây là khoản vay chung của vợ chồng nên xác định nghĩa vụ trả nợ ngân hàng là của ông H và bà Đ.

Hợp đồng thế chấp của ông H, bà Đ với ngân hàng để bảo đảm khoản vay cho ông H, bà Đ được các bên giao kết phù hợp với các quy định pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện tại không có tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này. Do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng

nên nếu ông H, bà Đ không trả được nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 298, 307, 317, 318, 319, 320 và 322 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông H, bà Đ phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tạm tính từ ngày đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2020) là 766.617.490 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông H, bà Đ không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ông H, bà Đ là 100m² đất ở tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H để ngân hàng thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông H, bà Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng. Hiện ông H, bà Đ đang quản lý, sử dụng các tài sản này.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Ông H, bà Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng 1 Điều 275, các điều 463, 466, 468, 357, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và 323 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển

nông thôn V.

Buộc ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2020) là 166.617.490 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/4/2020) ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V là: 766.617.490 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu sáu trăm mười bảy nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Quách Văn H, bà Trịnh Thị Đ không trả được nợ thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của Ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ là 100m² đất ở tại thửa đất số 20 tờ bản đồ số 13 ở thôn Q, xã QH, huyện P, tỉnh H mang tên ông Quách Văn H theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 012017/QVHOAT ngày 04/10/2017, hợp đồng thế chấp đã được đăng ký Giao dịch bảo đảm ngày 04/10/2017 để ngân hàng thu hồi nợ.

Ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ đang quản lý, sử dụng tài sản này.

(Có sơ đồ kèm theo)

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho ngân hàng.

Về án phí: Ông Quách Văn H và bà Trịnh Thị Đ phải chịu 34.664.699 đồng (Ba mươi tư triệu sáu trăm sáu mươi tư nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn V số tiền 16.122.787 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005884 ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh H.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Tuấn